

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 214/2024/HSST
Ngày 05/8/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Cẩm;

Bà Nguyễn Thị Bạ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban- Kiểm sát viên;

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 197/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ THỊ THÙY L**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 24 tháng 4 năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Hẻm Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Lê Văn B (Đã chết) và bà Tạ Thị Kim N; Bị cáo có chồng là Nguyễn Minh Hoàng V (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

01. Ông Lê Minh T, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

02. Ông Phan Đình D, sinh năm 1985 và bà Trịnh Thị Bích N, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người chứng kiến:

01. Ông Đặng Công C, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

02. Ông Lê Phước T, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

03. Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Thùy L là người sử dụng ma túy, loại Methamphetamine hay còn gọi là ma túy đá. L không sử dụng Cần sa, nhưng biết và nhận thức rõ Cần sa là ma túy. Trước Tết Nguyên đán năm 2024, L được một đối tượng nam giới tên thường gọi là U (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) cho 01 gói ma túy Cần sa, nên L cất giấu tại phòng trọ ở địa chỉ số đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với mục đích để bán kiếm lời. Ngày 26/3/2024, một đối tượng nam giới tên thường gọi là C (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) sử dụng số điện thoại XXX liên lạc đến số điện thoại XXX gắn trên điện thoại di động Nokia trắng đen, số sê ri 1: 353112113653832, số sê ri 2: 35311211865837 của L hỏi mua ma túy Cần sa thì L đồng ý và trong ngày đã 02 lần bán ma túy cho C thu lợi số tiền 1.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 16 giờ ngày 26/3/2024, tại khu vực đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. L bán cho C 01 gói ma túy Cần sa thu lợi số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng hơn 19 giờ 30 phút ngày 26/3/2024, C tiếp tục hỏi mua 01 gói ma túy Cần sa thì L đồng ý bán với số tiền 1.400.000 đồng. Sau đó, L lấy 01 gói ma túy Cần sa, cất giấu trên người rồi điều khiển xe Mô tô biển số xxx đi bán cho C. Khi L đi đến trước số nhà A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chờ bán ma túy cho C thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật;

Tại bản Kết luận giám định số 497/KL- KTHS, ngày 02/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Thảo mộc khô màu xanh bên trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 32,7075 gam, loại: Cần sa; Thảo mộc khô màu xanh bên trong 05 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 203,3476 gam, loại: Cần sa;

Tại bản cáo trạng số: 207/CT- VKS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Lê Thị

Thùy L về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thùy L khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy L mức án từ 08 (Tám) năm đến 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 29,3240 gam ma túy loại Cần sa và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong 01 hộp giấy số 497/KL-KTHS ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định (01 (một) gói nylon) vụ Lê Thị Thùy L– BMT” và 197,1396 gam ma túy loại Cần Sa và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong 01 hộp giấy số 497/KL-KTHS, ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định (05 (năm) gói nylon) vụ Lê Thị Thùy L– BMT” của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là chất độc được gây nghiện, Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán nên cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, trắng đen, số sê ri 1: 353112113653832, số sê ri 2: 353112118653837 gắn sim số XXX và XXX của bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

Đối với chiếc xe mô tô biển số XXX, quá trình điều tra xác định là xe của ông Lê Minh T mua của ông Y T Ksor; ngày 26/3/2024, L mượn chiếc xe trên của ông T làm phương tiện đi lại rồi sử dụng làm phương tiện phạm tội thì ông T không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông T;

Đối với số tiền 1.000.000đ mà bị cáo Lê Thị Thùy L thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã tiêu xài hết nên cần truy thu của bị cáo, sung Ngân sách Nhà nước;

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng

khác không có ý kiến gì về hành vi tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Vào khoảng 16 giờ ngày 26/3/2024, tại khu vực đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Lê Thị Thùy L có hành vi bán cho đối tượng tên C 01 gói ma túy Cần sa, thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C tiếp tục hỏi mua 01 gói ma túy Cần sa với giá tiền 1.400.000 đồng thì L đồng ý bán, khi L đang trên đường giao ma túy cho C, đi đến trước số nhà A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật;

Như vậy hành vi bị cáo Lê Thị Thùy L thực hiện đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự;

Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm;

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...”

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương; hơn nữa, tác hại của ma túy đến sức khỏe của con người là rất lớn, là một trong những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh chết người HIV/AIDS và cũng là nguyên nhân làm là gia tăng các loại tội phạm hình sự khác như “Trộm cắp tài sản”, “Cướp giật tài sản”... Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song do ý thức coi thường pháp luật, lối sống buông thả, muốn thu lợi bất chính một cách nhanh chóng nên bị cáo đã 2 lần có hành vi bán trái phép chất ma túy; do đó bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội;

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo;

Đối với đối tượng nam giới tên U là người mà bị cáo L khai cho L ma túy Cần sa; đối tượng tên C sử dụng thuê bao điện thoại số 0764.135.555 mua ma túy của bị cáo L; quá trình điều tra đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân,

lai lịch của các đối tượng này. Đồng thời, Cơ quan điều tra có Công văn gửi nhà mạng viễn thông nhưng đến nay vẫn chưa nhận được Công văn trả lời, nên Cơ quan điều tra tách hành vi của các đối tượng này ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau;

Đối với ông Y T Ksor là chủ xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 498.07, ông T đã bán xe mô tô trên cho ông Lê Minh T; ngày 26/3/2024 bị cáo L mượn xe trên của ông T để làm phương tiện đi lại. Ông Y T và ông T biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với ông Y T và ông T;

Đối với ông Phan Thanh H, bà Trịnh Thị Bích N, ông Phan Đình D là chủ sở hữu căn nhà nơi bị cáo L thuê trọ và cất giấu ma túy Cần sa; quá trình điều tra xác định ông H, bà N và ông D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với ông H, bà N và ông D;

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Thị Thùy L, Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo;

[2] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát XXX, quá trình điều tra xác định là xe của ông Lê Minh T mua của ông Y T Ksor. Ngày 26/3/2024, bị cáo Lê Thị Thùy L mượn chiếc xe trên của ông T làm phương tiện đi lại rồi sử dụng làm phương tiện phạm tội thì ông T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông T;

Đối với 29,3240 gam ma túy, loại Cần sa và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong 01 hộp giấy số 497/KL-KTHS ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định (01 (một) gói nylon) vụ Lê Thị Thùy L– BMT” và 197,1396 gam ma túy, loại Cần Sa và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong 01 hộp giấy số 497/KL-KTHS, ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định (05 (năm) gói nylon) vụ Lê Thị Thùy L– BMT” của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là chất độc được gây nghiện, Nhà nước cấm tàng trữ, mua bán nên cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia trắng đen, số sê ri 1: 353112113653832, số sê ri 2: 353112118653837 gắn sim số XXX và XXX của bị cáo Lê Thị Thùy L sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước;

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B);

Đối với số tiền 1.000.000đ mà bị cáo Lê Thị Thùy L thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã tiêu xài hết nên cần truy thu của bị cáo, sung Ngân sách Nhà nước;

[3] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Thùy L phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy L 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 26/3/2024;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát XXX cho ông Lê Minh T;

Tịch thu, tiêu hủy 29,3240 gam ma túy loại Cần sa và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong 01 hộp giấy số 497/KL-KTHS ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định (01 (một) gói nylon) vụ Lê Thị Thùy L– BMT” và 197,1396 gam ma túy loại Cần Sa và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong 01 hộp giấy số 497/KL-KTHS, ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định (05 (năm) gói nylon) vụ Lê Thị Thùy L– BMT” của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia trắng đen, số sê ri 1: 353112113653832, số sê ri 2: 353112118653837 gắn sim số XXX và XXX của bị cáo Lê Thị Thùy L;

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B);

Truy thu, sung ngân sách Nhà nước tiền thu lợi bất chính của bị cáo Lê Thị Thùy L số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng);

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thị Thùy L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS. TP. B;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương